

**CÔNG TY CỔ PHẦN VECO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VECO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VECO CORPORATION

Tên công ty viết tắt: VECO CORP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108970853

**3. Ngày thành lập:** 01/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 53A phố Trần Quốc Vượng, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [vecocorp.vn@gmail.com](mailto:vecocorp.vn@gmail.com)

Website: <http://vecocorp.vn>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0116     |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0119     |
| 3.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0129     |
| 4.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp<br>Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre                                                                                                                                                                                                                          | 0210     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                       | 1629     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác;<br>- Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như: Giá sách, kệ... bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4669     |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690     |
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện                                                        | 4759     |

|     |                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>-Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773(Chính) |
| 11. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>Sàn giao dịch thương mại điện tử                                                            | 4791        |
| 12. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                             | 4799        |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                    | 5610        |
| 14. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                            | 5621        |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Không bao gồm phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường)                                                                                      | 5629        |
| 16. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường)                                                                                   | 5630        |
| 17. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                      | 6619        |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                            | 7020        |
| 19. | Quảng cáo                                                                                                                                                           | 7310        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                 | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ LINH     | Thôn Xuân Đàm, Xã Xuân Quý, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 21.000     | 210.000.000           | 7,000     | 174750252                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 21.000     | 210.000.000           | 7,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÌNH QUỐC CƯỜNG | Tiểu khu Thái Hòa, Thị trấn Nông Công, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 108.000    | 1.080.000.000         | 36,000    | 0380870169<br>11                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 108.000    | 1.080.000.000         | 36,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                                 |                                    |         |               |        |           |
|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | LÊ THỊ VIÊN | Thôn Xuân Đàm,<br>Xã Hóa Quỳ,<br>Huyện Như Xuân,<br>Tỉnh Thanh Hoá,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 171.000 | 1.710.000.000 | 57,000 | 173500115 |
|   |             |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |             |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |             |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |             |                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |             |                                                                                 | Tổng số                            | 171.000 | 1.710.000.000 | 57,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ VIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/05/1988

Dân tộc: Thổ

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 173500115

Ngày cấp: 16/07/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Đàm, Xã Hóa Quỳ, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P3610, Tòa B Vinaconex2, Khu đô thị Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội